

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-10-2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Bảy

2. Ông: Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985.

Trú tại: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày và thể hiện nội dung:

Chị và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống

với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chơi cờ bạc, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2017. Nay chị thấy tình cảm của bản thân dành cho anh T không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Vũ Văn T1, sinh ngày 30/9/2009 và Vũ Văn T2, sinh ngày 18/9/2011. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Vũ Văn T không đến Tòa án để làm việc. Hiện nay, anh T có hộ khẩu tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Anh T thường xuyên có mặt tại nhà, có nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không chấp hành.

Tại phiên tòa, anh Vũ Văn T vắng mặt mà không có lý do.

Các tình tiết các bên thống nhất: Do anh T không có mặt nên không biết được ý kiến của anh T về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Vũ Văn T và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về tình cảm:* Chị Nguyễn Thị K và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chơi cờ bạc, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2017. Mặc dù, anh Vũ Văn T không thể hiện quan điểm của mình trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Tuy nhiên, qua xác nhận tại địa phương cũng thể hiện thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Như vậy, mục đích chung sống giữa chị K và anh T không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy yêu

cầu của chị Nguyễn Thị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3]Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ban đầu chị K đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc một con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, sau đó chị đề nghị được nuôi dưỡng và chăm sóc hai người con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Vũ Văn T1 và cháu Vũ Văn T2 đề mong muốn được ở với chị K. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng này của chị K và các con chung là hợp lý và có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4]Về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

[5]Về nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

[6]Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị K thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[7]Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Văn T1, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Vũ Văn T2, sinh ngày 18/9/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 10 năm 2019.

- Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

(Chị Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003981, ngày 27/5/2019 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Thái Đông;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa



Phạm Ngọc Bình

Người ký: Phạm Ngọc Bình
Cơ quan: Tòa án nhân dân
thị xã Đông Triều, Tòa án
nhân dân tỉnh Quảng Ninh,
Tòa án nhân dân tối cao
Chức vụ: Thẩm phán
Thời gian ký: 17.10.2019
15:32:09 +07:00